

Số: 81 /QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
cho các ngành đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

*Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐT ngày 05/4/2023 của Hội đồng trường
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt
động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-ĐHCN ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào
tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;*

*Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày
13/01/2025 và ngày 14/01/2025 về việc Thông qua các chương trình đào tạo trình
độ thạc sĩ;*

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cho các ngành đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, bao gồm: Chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết học phần, Hướng dẫn tổ chức dạy - học và Bản mô tả chương trình đào tạo (Danh sách và nội dung bộ chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Các bộ chương trình đào tạo này được áp dụng đào tạo trình độ thạc sĩ cho các khoá tuyển sinh từ năm 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Điều 4. Các ông (bà) Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học, Trưởng các phòng: Tổ chức Nhân sự, Hành chính tổng hợp, Tài chính – Kế toán; Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG



Kiều Xuân Thục



DANH SÁCH

Ban hành các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-ĐHCN ngày 15/01/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Stt	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Đơn vị quản lý chuyên môn	Ghi chú
1.	Kỹ thuật cơ khí	8520103	Trường Cơ khí – Ô tô	
2.	Kỹ thuật cơ điện tử	8520114	Trường Cơ khí – Ô tô	
3.	Kỹ thuật cơ khí động lực	8520116	Trường Cơ khí – Ô tô	
4.	Kỹ thuật hóa học	8520301	Khoa Công nghệ Hóa	
5.	Kỹ thuật điện tử	8520203	Trường Điện – Điện tử	
6.	Kỹ thuật điện	8520201	Trường Điện – Điện tử	
7.	Kế toán	8340301	Trường Kinh tế	
8.	Quản trị kinh doanh	8340101	Trường Kinh tế	
9.	Hệ thống thông tin	8480104	Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông	
10.	Ngôn ngữ Anh	8220201	Trường Ngoại ngữ - Du lịch	
11.	Công nghệ dệt, may	8540204	Khoa CN May và TKTT	
12.	Ngôn ngữ Trung Quốc	8220204	Trường Ngoại ngữ - Du lịch	

Tổng số: 12 bộ chương trình đào tạo./✓



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 81' /QĐ-ĐHCN ngày 15 tháng 01 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình (Tiếng Việt)	: Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh
Tên chương trình (Tiếng Anh)	: Master of English Linguistics
Tên ngành	: Ngôn ngữ Anh
Mã ngành đào tạo	: 8220201
Trình độ đào tạo	: Thạc sĩ
Thời gian đào tạo	: 1,5 năm (2,0 năm)
Bằng tốt nghiệp	: Thạc sĩ
Loại hình đào tạo	: Chính quy (Vừa làm vừa học)
Định hướng đào tạo	: Ứng dụng
Đơn vị giảng dạy	: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị cấp bằng	: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị quản lý chương trình	: Trường Ngoại ngữ Du lịch

1. Mục tiêu đào tạo (PEO)

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ Thạc sĩ được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, trang bị cho người học kiến thức khoa học nền tảng, lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh, kiến thức liên ngành liên quan, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo với tinh thần trách nhiệm và khả năng thích ứng trong lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, biên dịch, phiên dịch và các hoạt động thực tiễn nghề nghiệp khác liên quan đến Ngôn ngữ Anh để đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục của đất nước và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

PEO 1: Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, các nguyên lý và học thuyết cơ bản về triết học, ngôn ngữ học và kiến thức liên ngành có liên quan. Có kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức về thiết kế và phát triển các khoá học tiếng Anh.

PEO 2: Có kỹ năng tổ chức, quản trị về các hoạt động nghề nghiệp thực tiễn liên quan đến ngành ngôn ngữ Anh; Có kỹ năng ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào các hoạt động chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh;

PEO 3: Có năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, có đạo đức nghề nghiệp, liêm chính trong nghiên cứu; Có khả năng đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Bảng 1: Đối sánh Mục tiêu cụ thể (PEO) của CTĐT với Khung trình độ quốc gia

		Khung trình độ quốc gia										
		Kiến thức			Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm			
		KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
Mục tiêu của CTĐT	PEO1	x	x	x								
	PEO2				x	x	x	x				
	PEO3								x	x	x	x

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (SO)

Người học tốt nghiệp ngành Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh đạt được những chuẩn đầu ra sau:

a) Vận dụng kiến thức triết học và kiến thức ngôn ngữ học và kiến thức liên ngành có liên quan vào công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh.

b) Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức chung về quản trị, quản lý, kiến thức về phát triển chương trình để thiết kế các khóa học giảng dạy tiếng Anh phục vụ công tác chuyên môn và nghiên cứu.

c) Vận dụng các kỹ năng về tổ chức, quản trị, quản lý chuyên môn và nghiên cứu khoa học về chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và các lĩnh vực liên ngành.

d) Áp dụng các kĩ năng về sử dụng công nghệ tiên tiến trong các hoạt động chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh.

e) Thể hiện năng lực nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.

Bảng 2: Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

Mã SO	Nội dung chuẩn đầu ra	PEO 1	PEO 2	PEO 3
SO 1	Vận dụng kiến thức triết học và kiến thức ngôn ngữ học và kiến thức liên ngành có liên quan vào công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh	x		
SO 2	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức chung về quản trị, quản lý, kiến thức về phát triển chương trình để thiết kế các khóa học giảng dạy tiếng Anh phục vụ công tác chuyên môn và nghiên cứu	x		
SO 3	Vận dụng các kĩ năng về tổ chức, quản trị, quản lý chuyên môn và nghiên cứu khoa học về chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và các lĩnh vực liên ngành		x	
SO 4	Áp dụng các kĩ năng về sử dụng công nghệ tiên tiến trong các hoạt động chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh		x	
SO5	Thể hiện năng lực nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh			x

3. Tiêu chí đánh giá (PI)

Bảng 3: Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
SO 1	PI 1.1	Vận dụng kiến thức triết học vào giải quyết vấn đề trong công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ
	PI 1.2	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải những hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
	PI 1.3	Vận dụng kiến thức về văn hoá, văn học, giao tiếp liên văn hoá trong thực tế và trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể
SO 2	PI 2.1	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học để quản trị, quản lý, thực hiện nghiên cứu và báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh
	PI 2.2	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ để nghiên cứu tài liệu các chuyên ngành
	PI 2.3	Vận dụng kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học, kiểm tra đánh giá và thiết kế chương trình giảng dạy ngôn ngữ vào công tác giảng dạy tiếng Anh
SO 3	PI 3.1	Xác định vấn đề cần nghiên cứu; lập kế hoạch quản lý; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin để đưa ra các đề xuất và thực hiện báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh
	PI 3.2	Thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy tiếng Anh
SO 4	PI 4.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh
SO 5	PI 5.1	Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; chủ động đưa ra những đề xuất mang tính chuyên gia, đánh giá và cải tiến chất lượng công việc chuyên môn trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh
	PI 5.2	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, liêm chính trong nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Anh

4. Chuẩn đầu vào của CTĐT

Căn cứ (1) Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; (2) chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh; và (3) chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, người dự tuyển vào chương trình thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cần thỏa mãn các điều kiện về ngoại ngữ, văn bằng và kiến thức chuyên môn nền tảng, cụ thể:

4.1. Điều kiện về văn bằng

Người dự tuyển vào chương trình thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội phải là người tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học.

4.2. Điều kiện về Ngoại ngữ

Người dự tuyển tốt nghiệp cử nhân các ngành phù hợp trong bảng 4 đều đạt tiêu chuẩn về Ngoại ngữ.

4.3. Điều kiện về kiến thức chuyên môn nền tảng

Người dự tuyển phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

Bảng 4: Danh mục ngành phù hợp

TT	Tên ngành	Mã số	Ghi chú
1	Ngôn ngữ Anh	7120201	
2	Sư phạm tiếng Anh	7140231	

Người dự tuyển tốt nghiệp các ngành khác hoặc từ chương trình đào tạo ở nước ngoài có tên ngành phù hợp song không thuộc danh mục liệt kê ở Bảng 3 thì Hiệu trưởng quyết định dựa trên đề xuất của đơn vị đào tạo. Các trường hợp đặc biệt sẽ thành lập Hội đồng chuyên môn xem xét học phần tương đương được công nhận và báo cáo Hiệu trưởng quyết định.

5. Khối lượng học tập toàn khoá (tính bằng tín chỉ): 60 tín chỉ

6. Cấu trúc và nội dung CTĐT

Bảng 1: Cấu trúc Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			
					LT (lý thuyết)	TH/TN (thực hành/ thí nghiệm)	TL (Thảo luận)	TT/ĐA (thực tập/ đề án)
6.1	Phần chữ	Phần số	Phần 1. Kiến thức chung	7	7	0	0	0
1	LP	7301	Triết học (Philosophy)	4	4	0	0	0
2	FL	7332	Phương pháp nghiên cứu Ngôn ngữ học ứng dụng (Research Methods in Applied linguistics)	3	2	0	1	0
6.2			Phần 2. Kiến thức Cơ sở ngành	11	11	0	0	0
6.2.1			Kiến thức bắt buộc	5	5	0	0	0
1	FL	7329	Các lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Theories in second language acquisition)	2	2	0	0	0
2	FL	7306	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied linguistics)	3	3	0	0	0
6.2.2			Kiến thức tự chọn (Chọn 3 trong 6 học phần)	6	6	0	0	0
1	FL	7302	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	2	2	0	0	0
2	FL	7305	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	2	2	0	0	0
3	FL	7331	Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa (Cultures, Identities and Globalization)	2	2	0	0	0

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			
					LT (lý thuyết)	TH/TN (thực hành/ thí nghiệm)	TL (Thảo luận)	TT/ĐA (thực tập/ đề án)
4	FL	7307	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	2	2	0	0	0
5	FL	7304	Viết tiếng Anh học thuật (Academic English Writing)	2	2	0	0	0
6	FL	7322	Văn học Anh – Mỹ (British – American Literature)	2	2	0	0	0
6.3			Phần 3. Kiến thức Chuyên ngành	24	24	0	0	0
6.3.1			Kiến thức bắt buộc	12	12	0	0	0
1	FL	7309	Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)	3	3	0	0	0
2	FL	7316	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	3	3	0	0	0
3	FL	7311	Ngữ nghĩa học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Semantics)	3	3	0	0	0
4	FL	7317	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	3	3	0	0	0
6.3.2			Kiến thức tự chọn (Chọn 6 trong 12 học phần)	12	12	0	0	0
1	FL	7313	Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)	2	2	0	0	0
2	FL	7314	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	2	2	0	0	0
3	FL	7319	Ngữ pháp chức năng	2	2	0	0	0

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			
					LT (lý thuyết)	TH/TN (thực hành/ thí nghiệm)	TL (Thảo luận)	TT/ĐA (thực tập/ đề án)
			(Functional Grammar)					
4	FL	7310	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)	2	2	0	0	0
5	FL	7312	Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)	2	2	0	0	0
6	FL	7328	Từ vựng học tiếng Anh (Lexicology)	2	2	0	0	0
7	FL	7325	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy (ICTs in education)	2	2	0	0	0
8	FL	7315	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	2	2	0	0	0
9	FL	7330	Văn hoá trong giảng dạy ngôn ngữ (Cultural Dimensions in Language teaching)	2	2	0	0	0
10	FL	7308	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	2	2	0	0	0
11	FL	7320	Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Language Curriculum Design)	2	2	0	0	0
12	FL	7318	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment)	2	2	0	0	0
6.4	FL	7324	Phần 4. Thực tập	9	0	0	0	9
6.5	FL	7321	Phần 5. Đề án tốt nghiệp	9	0	0	0	9
			Tổng	60	42	0	0	18

7. Kế hoạch giảng dạy và lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng

7.1. Kế hoạch giảng dạy và lộ trình phát triển kỹ năng theo hình thức chính quy

Bảng 2: Lộ trình phát triển kỹ năng theo hình thức chính quy

SO	PI	Học kỳ		
		Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3
SO 1	PI 1.1	LP7201 (I/T)		
	PI 1.2	FL7302 (T,U) FL7306 (T,U) FL7315 (T,U) FL7305 (T,U) FL 7329 (T,U)	FL7319 (T,U) FL7307 (T,U) FL7309 (T,U) FL7310 (T,U) FL7311 (T,U) FL7313 (T,U) FL7328 (T,U)	
	PI 1.3		FL7314 (T,U) FL7316 (T,U) FL7322 (T,U) FL7330 (T,U) FL7331 (T,U)	
SO 2	PI 2.1	FL7332 (T,U) FL7304 (T,U)		FL7321 (U)
	PI 2.2		FL7312 (T,U) FL7308 (T,U)	
	PI 2.3		FL7317 (T,U) FL7318 (T,U) FL7320 (T,U)	
			FL7308 (T,U)	
SO 3	PI 3.1	FL7304 (T,U) FL7332 (T,U)		
	PI 3.2		FL7320 (T,U) FL7308 (T,U)	

SO	PI	Học kỳ		
		Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3
SO 4	PI 4.1		FL7325(T,U)	FL7321 (U)
SO 5	PI 5.1		FL7320 (T,U)	FL7321 (U) FL73.24 (U)
	PI 5.2	FL7332 (T,U)		FL7321 (U)

7.2. Kế hoạch giảng dạy và lộ trình phát triển kỹ năng theo hình thức vừa làm vừa học

Bảng 3: Lộ trình phát triển kỹ năng theo hình thức vừa học vừa làm

SO	PI	Học kỳ			
		Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
SO 1	PI 1.1	LP7301 (I/T)			
	PI 1.2	FL7302 (T,U) FL7306 (T,U) FL7315 (T,U) FL7305 (T,U) FL 7329 (T,U)	FL7319 (T,U) FL7307 (T,U) FL7309 (T,U) FL7310 (T,U) FL7311 (T,U) FL7313 (T,U) FL7328 (T,U)		
	PI 1.3		FL7314 (T,U) FL7316 (T,U) FL7322 (T,U) FL7330 (T,U) FL7331 (T,U)		
SO 2	PI 2.1	FL7332 (T,U) FL7304 (T,U)			FL7321 (U)
	PI 2.2			FL7312 (T,U) FL7308 (T,U)	

SO	PI	Học kỳ			
		Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
	PI 2.3			FL7317 (T,U) FL7318 (T,U) FL7320 (T,U) FL7308 (T,U)	
SO 3	PI 3.1	FL7304 (T,U) FL7332 (T,U)			
	PI 3.2			FL7320 (T,U) FL7308 (T,U)	
SO 4	PI 4.1			FL7325(T,U)	FL7321 (U)
SO 5	PI 5.1			FL7320 (T,U)	FL7321 (U) FL7324 (U)
	PI 5.2	FL7332 (T,U)			FL7321 (U)

7.3. Ma trận chuẩn đầu ra – học phần

Bảng 4: Ma trận chuẩn đầu ra

Mã SO	Nội dung tiêu chí đánh giá	Thực tập (FL7324)		
		Đề án tốt nghiệp (FL7321)		
		Từ vựng học TA (FL7328)	T, U	
		Các lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (FL7329)	T, U	
		Văn hoá trong giảng dạy ngôn ngữ (FL7330)		T, U
		Ứng dụng CNTT trong giảng dạy (FL7325)		
		Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa (FL7331)		T, U
		Văn học Anh – Mỹ (FL7322)		T, U
		Ngôn ngữ học xã hội (FL7305)	T, U	
		Ngôn ngữ học tri nhận (FL7307)	T, U	
		Ngữ dụng học TA (FL7313)	T, U	
		Phân tích diễn ngôn (FL7314)		T, U
		Ngữ pháp chức năng (FL7319)	T, U	
		TA chuyên ngành (FL7308)		
		Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (FL7320)		
		Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (FL7318)		
		Lý luận và PP dạy học ngoại ngữ (FL7317)		
		Ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa (FL7316)		T, U
		TA viết học thuật (FL7304)		
		Ngữ nghĩa học TA (FL7311)	T, U	
		Ngữ pháp TA nâng cao (FL7310)	T, U	
		Ngữ âm-âm vị học TA nâng cao (FL7309)	T, U	
		Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (FL7312 ứng		
		PP Nghiên cứu NNH Ứng dụng (FL7332)		
		Ngôn ngữ học ứng dụng (FL7306)	T, U	
		Ngôn ngữ học đại cương (FL7302)	T, U	
		Ngôn ngữ học đối chiếu (FL7315)	T, U	
	Triết học (LP7301)	T, U		
Mã PI	Vận dụng kiến thức triết học vào giải quyết vấn đề trong công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ			
PI 1.1				
PI 1.2	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải những hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể			
PI 1.3	Vận dụng kiến thức về văn hoá, văn học, giao tiếp liên văn hoá trong thực tế và trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể			
SO 1				

Thực tập (FI7324)			
Đề án tốt nghiệp (FL7321)	U		
Từ vựng học TA (FL7328)			
Các lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (FL7329)			
Văn hoá trong giảng dạy ngôn ngữ (FL7330)			T, U
Ứng dụng CNTT trong giảng dạy (FL7325)			
Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa (FL7331)			
Văn học Anh – Mỹ (FL7322)			
Ngôn ngữ học xã hội (FL7305)			
Ngôn ngữ học tri nhận (FL7307)			
Ngữ dụng học TA (FL7313)			
Phân tích diễn ngôn (FL7314)			
Ngữ pháp chức năng (FL7319)			
TA chuyên ngành (FL7308)		T, U	T, U
Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (FL7320)			T, U
Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (FL7318)			T, U
Lý luận và PP dạy học ngoại ngữ (FL7317)			T, U
Ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa (FL7316)			
TA viết học thuật (FL7304)	T, U		
Ngữ nghĩa học TA (FL7311)			
Ngữ pháp TA nâng cao (FL7310)			
Ngữ âm-âm vị học TA nâng cao (FL7309)			
Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (FL7312 ứng		T, U	
PP Nghiên cứu NNH Ứng dụng (FI7332)	T, U		
Ngôn ngữ học ứng dụng (FL7306)			
Ngôn ngữ học đại cương (FL7302)			
Ngôn ngữ học đối chiếu (FL7315)			
Triết học (LP7301)			
Nội dung tiêu chí đánh giá	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học để quản trị, quản lý, thực hiện nghiên cứu và báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ để nghiên cứu tài liệu các chuyên ngành	Vận dụng kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học, kiểm tra đánh giá và thiết kế chương trình giảng dạy ngôn ngữ vào công tác giảng dạy tiếng Anh
Mã PI	PI 2.1	PI 2.2	PI 2.3
Mã SO	SO 2		

Thực tập (FL7324)			
Đề án tốt nghiệp (FL7321)			U
Từ vựng học TA (FL7328)			
Các lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (FL7329)			
Văn hoá trong giảng dạy ngôn ngữ (FL7330)			
Ứng dụng CNTT trong giảng dạy (FL7325)			T, U
Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa (FL7331)			
Văn học Anh – Mỹ (FL7322)			
Ngôn ngữ học xã hội (FL7305)			
Ngôn ngữ học tri nhận (FL7307)			
Ngữ dụng học TA (FL7313)			
Phân tích diễn ngôn (FL7314)			
Ngữ pháp chức năng (FL7319)			
TA chuyên ngành (FL7308)		T, U	
Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (FL7320)		T, U	
Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (FL7318)			
Lý luận và PP dạy học ngoại ngữ (FL7317)			
Ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa (FL7316)			
TA viết học thuật (FL7304)	T, U		
Ngữ nghĩa học TA (FL7311)			
Ngữ pháp TA nâng cao (FL7310)			
Ngữ âm-âm vị học TA nâng cao (FL7309)			
Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (FL7312)			
PP Nghiên cứu NNH Ứng dụng (FL7332)	T, U		
Ngôn ngữ học ứng dụng (FL7306)			
Ngôn ngữ học đại cương (FL7302)			
Ngôn ngữ học đối chiếu (FL7315)			
Triết học (LP7301)			
Nội dung tiêu chí đánh giá	Xác định vấn đề cần nghiên cứu; lập kế hoạch quản lý; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin để đưa ra các đề xuất và thực hiện báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh	Thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy tiếng Anh	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh
Mã PI	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1
Mã SO	SO 3		SO 4

Thực tập (FL7324)	U	
Đề án tốt nghiệp (FL7321)	U	U
Từ vựng học TA (FL7328)		
Các lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (FL7329)		
Văn hoá trong giảng dạy ngôn ngữ (FL7330)		
Ứng dụng CNTT trong giảng dạy (FL7325)		
Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa (FL7331)		
Văn học Anh – Mỹ (FL7322)		
Ngôn ngữ học xã hội (FL7305)		
Ngôn ngữ học tri nhận (FL7307)		
Ngữ dụng học TA (FL7313)		
Phân tích diễn ngôn (FL7314)		
Ngữ pháp chức năng (FL7319)		
TA chuyên ngành (FL7308)		
Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (FL7320)	T, U	
Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (FL7318)		
Lý luận và PP dạy học ngoại ngữ (FL7317)		
Ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa (FL7316)		
TA viết học thuật (FL7304)		
Ngữ nghĩa học TA (FL7311)		
Ngữ pháp TA nâng cao (FL7310)		
Ngữ âm-âm vị học TA nâng cao (FL7309)		
Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (FL7312)	ứng	
PP Nghiên cứu NNH Ứng dụng (FL7332)		U
Ngôn ngữ học ứng dụng (FL7306)		
Ngôn ngữ học đại cương (FL7302)		
Ngôn ngữ học đối chiếu (FL7315)		
Triết học (LP7301)		
Nội dung tiêu chí đánh giá	Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; chủ động đưa ra những đề xuất mang tính chuyên gia, đánh giá và cải tiến chất lượng công việc chuyên môn trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, liêm chính trong nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Anh
Mã PI	PI 5.1	PI5.2
Mã SO	SO 5	

8. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần

8.1. Triết học (Philosophy)

Mã học phần: LP7301

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 4 (4;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc các ngành khoa học xã hội - nhân văn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản: Khái luận về triết học; vấn đề bản thể luận, nhận thức luận và phép biện chứng; lý luận triết học về chính trị, ý thức xã hội và con người; học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, vận dụng lý luận triết học để giải quyết các vấn đề thực tiễn và lĩnh vực chuyên môn, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước.

8.2. Phương pháp nghiên cứu Ngôn ngữ học ứng dụng (Research Methods in Applied linguistics)

Mã học phần: FL7332

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 3 (2;0;1;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần trang bị cho học viên tổng quan kiến thức và phương pháp luận về phương pháp nghiên cứu (lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng hoặc giảng dạy ngôn ngữ). Học phần cũng trang bị cho học viên các kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp tài liệu & hình thành giả thuyết; thiết kế và đề xuất nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ ứng dụng và tri nhận và giảng dạy ngôn ngữ.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể nắm vững phương pháp luận nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu ngành ngôn ngữ để bước đầu thực hiện viết đề xuất nghiên cứu độc lập về các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành Ngôn ngữ Anh.

8.3. Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)

Mã học phần: FL7302

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp cho học viên những tri thức lí luận cơ bản nhất về ngôn ngữ và ngôn ngữ học qua cách thức tiếp cận ngôn ngữ như: bản chất và chức năng của ngôn ngữ, hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ, cơ chế hoạt động của ngôn ngữ, ngôn ngữ học và các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ.

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng hiểu và vận dụng được

các vấn đề lí luận ngôn ngữ vào công việc, học tập và nghiên cứu.

8.4. Tiếng Anh viết học thuật (Academic English Writing)

Mã học phần: FL73.04 **Học phần học trước:** Không

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần giới thiệu những khái niệm cơ bản về viết tiếng Anh học thuật như kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng chọn lọc tài liệu cho cơ sở lý thuyết, kỹ năng tạo thư viện điều tử để lưu giữ tư liệu. Học viên cũng được tạo cơ hội phát triển tư duy phê phán thông qua việc thực hành phân tích văn bản làm nền tảng cho các ý tưởng, luận điểm cho viết học thuật.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức và kỹ năng cần thiết trong quá trình viết tiếng Anh học thuật để thực hiện trong công việc và trong nghiên cứu ngôn ngữ.

8.5. Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)

Mã học phần: FL73.05 **Học phần học trước:** Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học xã hội như bối cảnh ra đời, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành; các khái niệm cơ bản như biến thể ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, sự lựa chọn ngôn ngữ, các yếu tố và cấu trúc xã hội gây ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi ngôn ngữ (giới tính, tuổi, dân tộc, văn hóa, v.v.); các nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội vĩ mô và ngôn ngữ học xã hội vi mô. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho học viên các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội để ứng dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ.

Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể khái quát hoá kiến thức về ngôn ngữ học xã hội, lí giải những hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể và phân tích đặc điểm của từng địa hạt ứng dụng ngôn ngữ.

8.6. Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)

Mã học phần: FL73.06 **Học phần học trước:** Không

Số tín chỉ: 3 (3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần trang bị cho học viên cấp kiến thức và kỹ năng sơ khởi về ứng dụng ngôn ngữ học trên 3 bình diện của Ngôn ngữ học ứng dụng (Kí hiệu học ngôn ngữ, Giáo dục ngôn ngữ và Các ứng dụng trong ngôn ngữ). Đồng thời, học phần cũng định hướng cho học viên thực hành các kỹ năng đó trong thực tế sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

8.7. Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)

Mã học phần: FL7307

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần giới thiệu cho học viên lý thuyết, các hướng tiếp cận cơ bản với quá trình tri nhận ngôn ngữ của con người. Học phần trang bị cho học viên cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về quá trình học ngôn ngữ, cũng như các kiến thức cơ bản làm nền tảng để hiểu về các phương pháp nghiên cứu, và đường hướng giảng dạy ngôn ngữ.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể nhận biết bản chất của quá trình tri nhận đặc thù tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ, phân tích các hiện tượng ngôn ngữ dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận.

8.8. Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)

Mã học phần: FL7308

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành được thiết kế để cung cấp cho học viên khung lý thuyết để thiết kế và triển khai các khóa học tiếng Anh chuyên ngành; làm quen với các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành. Học viên có thể vận dụng kiến thức tổng quan về tiếng Anh chuyên ngành để xác định đường hướng, nội dung, tài liệu và phương pháp giảng dạy cũng như hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp trong các khóa học tiếng Anh chuyên ngành.

Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể thiết kế và phát triển một khóa học và tài liệu tiếng Anh để phù hợp với nhu cầu của một nhóm người học cụ thể.

8.9. Ngữ âm-Âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)

Mã học phần: FL7309

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 3 (3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về ngữ âm và âm vị học trong tiếng Anh, bao gồm những lý thuyết các loại hình ngữ âm học, các quy tắc về các đơn vị đoạn tính, các đơn vị siêu đoạn tính.

Sau khi học xong học phần học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ âm, âm vị học nâng cao trong tiếng Anh vào lý giải các hiện tượng ngữ âm âm vị học trong thực tế sử dụng ngôn ngữ với lĩnh vực ngành nghề liên quan.

8.10. Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)

Mã học phần: FL7310

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 3 (3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao cung cấp kiến thức về một số kiến thức chung cơ bản về các trường phái ngữ pháp khác nhau như ngữ pháp truyền thống, ngữ pháp biến đổi- tạo sinh, ngữ pháp chức năng-hệ thống, ngữ pháp tri nhận, các đường hướng nghiên cứu ngữ pháp. Học phần tập trung vào các kiến thức về hình thái và cú pháp của ngôn ngữ tiếng Anh.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức vào phân tích, tổng hợp các đặc tính ngôn ngữ về ngữ pháp. Đồng thời, học viên có thể thực hiện những nghiên cứu chuyên sâu về ngữ pháp tiếng Anh và lý giải các hiện tượng ngữ pháp sử dụng trong thực tế.

8.11. Ngữ nghĩa học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Semantics)

Mã học phần: FL7311

Số tín chỉ: 3 (3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về ngữ nghĩa học trong tiếng Anh như nghĩa và các vấn đề liên quan đến nghĩa: nghĩa của từ (phân loại nghĩa của từ, mối quan hệ về nghĩa của từ, sự biến đổi nghĩa của từ), nghĩa của câu (chức năng nghĩa của câu, nghĩa tình thái, nghĩa văn bản, nghĩa liên nhân, nghĩa biểu hiện), nghĩa của phát ngôn (hành động lời nói, hàm ngôn, tiền giả định, các nguyên tắc hội thoại).

Sau khi học xong học phần ngữ nghĩa học tiếng Anh nâng cao, học viên có thể sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, đa dạng và linh hoạt hơn. Đồng thời, học viên có thể ứng dụng kiến thức vào nghiên cứu ngôn ngữ và công việc thực tế.

8.12. Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)

Mã học phần: FL7312 **Học phần học trước:** Không

Số tín chỉ: 3 (3;0;00)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần nhằm củng cố cho học viên kiến thức tổng quát về các khái niệm căn bản, các phương pháp, kỹ thuật dịch theo các chủ đề tiếng Anh chuyên ngành đồng thời nâng cao các phương pháp đánh giá, thẩm định chất lượng văn bản dịch. Học phần cũng giúp học viên mở rộng vốn từ vựng và kiến thức chuyên ngành để thực hiện các nhiệm vụ dịch.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức lĩnh hội để đưa vào thực hành dịch thuật các tài liệu chuyên ngành.

8.13. Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)

Mã học phần: FL7313 **Học phần học trước:** Không

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học Tiếng Anh, về ngữ nghĩa trong giao tiếp Tiếng Anh, về nghĩa của câu và phát ngôn như hàm ngôn và tiền giả định để có thể vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh, có thể hiểu được ý định giao tiếp của người nói trong hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Các nội dung chính bao gồm: ngữ nghĩa của câu và phát ngôn, tiền giả định, tham chiếu, suy diễn, nguyên tắc cộng tác trong giao tiếp, hàm ngôn hội thoại, hàm ngôn qui ước, hoạt động lời nói...

Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức lĩnh hội để tiến hành các nghiên cứu về ngữ dụng học tiếng Anh và tiếng Việt phục vụ công việc liên quan đến ngoại ngữ.

8.14. Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)

Mã học phần: FL7314 **Học phần học trước:** Không

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần được xây dựng nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về diễn ngôn với tư cách là một đơn vị giao tiếp, với những hình thức thể hiện và chức năng cơ bản nhất. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu những đặc điểm về chủ đề, cấu

trúc nội dung và những công cụ phân tích diễn ngôn. Nội dung học phần bao gồm một số chủ đề như các vấn đề cơ bản của phân tích diễn ngôn, đặc trưng của diễn ngôn, các công cụ vấn hỏi và phân tích diễn ngôn.

Sau khi học xong học phần, người học nắm được mối liên quan chặt chẽ giữa chúng và ứng dụng một số đường hướng trong phân tích diễn ngôn để phân tích các văn bản nói và viết tiếng Anh.

8.15. Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)

Mã học phần: FL7315 **Học phần học trước:** Không

Số tín chỉ: 02 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp những kiến thức cần thiết về Ngôn ngữ học đối chiếu, các nguyên tắc, phương pháp, thao tác đối chiếu ngôn ngữ, những kiến thức về các bình diện nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ. Học viên được hướng dẫn để thực hành đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ, các hoạt động lời nói, các hiện tượng lời nói trong thực tế giao tiếp.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức lĩnh hội để đưa vào thực hành đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ trong thực tế giao tiếp, trong công việc và trong nghiên cứu ngôn ngữ.

8.16. Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)

Mã học phần: FL7316 **Học phần học trước:** Không

Số tín chỉ: 3 (3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần trang bị cho học viên hiểu biết sâu sắc về giao tiếp liên văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá, giúp học viên có cái nhìn toàn diện, cởi mở về sự khác biệt và đa dạng giữa các nền văn hoá, cũng như trong một nền văn hoá.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kỹ năng cần thiết để giao tiếp liên văn hoá, chiêm nghiệm về những giá trị, bản sắc văn hoá cá nhân, và biết trân trọng hơn những tương đồng và khác biệt văn hoá, cũng như giảng dạy ngôn ngữ hiệu quả trong bối cảnh liên văn hoá.

8.17. Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)

Mã học phần: FL7317 **Học phần học trước:** Không

Số tín chỉ: 3 (3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần trình bày tổng quan vấn đề lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ; đồng thời cung cấp những kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học ngoại ngữ.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng kiến thức lĩnh hội vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến lớp học ngoại ngữ, phân tích tình huống và lựa chọn phương pháp dạy phù hợp nhằm thực hiện dạy học ngoại ngữ hiệu quả.

8.18. Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment)

Mã học phần: FL7318

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức tổng quan về kiểm tra, đánh giá năng lực ngôn ngữ cũng như các hình thức kiểm tra đánh giá, tác động của kiểm tra đánh giá đối quá trình học tập và giảng dạy, đánh giá trong lớp học. Học phần cũng giúp học viên phát triển khả năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá (thiết kế bản đặc tả kỹ thuật đề thi cho các kỹ năng ngôn ngữ, các bài kiểm tra đánh giá dựa trên bản đặc tả kỹ thuật đề thi), và đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá trong bối cảnh giáo dục cụ thể.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng kiến thức tổng quan về kiểm tra, đánh giá để thiết kế hoạt động kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu và bối cảnh giảng dạy, đồng thời đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá trong bối cảnh giảng dạy cụ thể.

8.19. Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)

Mã học phần: FL7319

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần nhằm trang bị cho học viên tổng quan về lý thuyết chức năng hệ thống do Halliday và các nhà ngôn ngữ học chức năng phát triển. Học viên được cung cấp một số khái niệm và phạm trù cơ bản, từ khái quát đến cụ thể về ngữ pháp chức năng nói chung, lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ minh họa.

Sau khi học xong học phần, học viên có hiểu biết về sự hình thành của khuynh hướng ngữ pháp chức năng, ghi nhớ các vấn đề lý thuyết của ngữ pháp chức năng nói

chung và tiếng Anh nói riêng; có thể áp dụng vào việc mô tả và phân tích câu tiếng Anh.

8.20. Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Language Curriculum Design)

Mã học phần: FL7320

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên tổng quan vấn đề lý luận trong thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ, các bước thiết kế chương trình và các vấn đề cần quan tâm khi phát triển chương trình dạy học ngoại ngữ. Học phần cũng giúp học viên phát triển khả năng lên ý tưởng, xây dựng kế hoạch thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ, khả năng lựa chọn, điều chỉnh và thiết kế tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu giảng dạy và bối cảnh giáo dục cụ thể, đồng thời phát triển khả năng tư duy phản biện, đánh giá sự phù hợp trong thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ cụ thể và đưa ra những giải pháp phù hợp.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể áp dụng kiến thức lĩnh hội để lên ý tưởng thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ, đánh giá sự phù hợp trong thiết kế trong thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ cụ thể và đưa ra những giải pháp để khắc phục những khía cạnh chưa phù hợp trong thiết kế chương trình.

8.21. Văn học Anh – Mỹ (British - American Literature)

Mã học phần: FL7322

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên hiểu biết sâu sắc về một số tác giả và tác phẩm văn học Anh và văn học Mỹ, giúp học viên hiểu thêm về đất nước con người và nền văn học của Anh và Mỹ, đồng thời nâng cao kỹ năng đọc-viết học thuật cũng như tư duy phê phán. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức về văn học Anh Mỹ để phân tích và cảm nhận tác phẩm, đồng thời có cái nhìn so sánh đối chiếu với văn học Việt Nam.

8.22. Các lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Theories in second language acquisition)

Mã học phần: FL7329

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần giới thiệu cho học viên các lý thuyết về quá trình thụ đắc ngôn ngữ như thuyết tri nhận (cognitive hypothesis), thuyết đầu vào (input hypothesis), thuyết tương tác (interaction hypothesis), thuyết văn hoá xã hội (sociocultural theory), thuyết hành vi (behaviourist theory) v.v. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể sử dụng các kiến thức về các lý thuyết thụ đắc ngôn ngữ thứ hai để nhận diện cơ chế và các yếu tố tác động đến việc học tập một ngôn ngữ mới và có thể ứng dụng các lý thuyết này trong giáo dục và dạy học.

8.23. Văn hoá trong giảng dạy ngôn ngữ (Cultural Dimensions in Language teaching)

Mã học phần: FL7330

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần giới thiệu các nguyên tắc của đường hướng tiếp cận dạy ngôn ngữ liên văn hóa, trong đó tập trung vào lồng ghép kiến thức văn hóa trong dạy Tiếng Anh. Học viên có cơ hội thảo luận các vấn đề đương đại trong dạy ngoại ngữ theo hướng tiếp cận liên văn hóa, thiết kế chương trình giảng dạy phù hợp với đa dạng văn hóa, và tìm hiểu các phương pháp giảng dạy nhằm thúc đẩy nâng cao lực giao tiếp liên văn hóa cho người học.

8.24. Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa (Cultures, identities and globalization)

Mã học phần: FL7331

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức quan trọng liên quan đến văn hóa, bản sắc và toàn cầu hóa. Học viên cũng được hướng dẫn tìm hiểu tầm quan trọng và tác động qua lại của văn hóa, bản sắc và toàn cầu hóa trong cuộc sống cũng như giao tiếp và sử dụng tiếng Anh.

8.25. Từ vựng học

Mã học phần: FL7328

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên kiến thức về từ vựng học Tiếng Anh, bao gồm các hiện tượng tạo từ và các hiện tượng ngôn ngữ đặc trưng như mối quan hệ về nghĩa của từ (đồng nghĩa, trái nghĩa, đa nghĩa, từ đồng âm), các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ, so

sánh, ngoa dụ, uyển ngữ v.v.), từ đó giúp học viên sử dụng từ vựng đúng văn cảnh.

Sau khi học xong học phần Từ vựng học tiếng Anh, học viên có thể sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, đa dạng và linh hoạt hơn. Đồng thời, học viên có thể ứng dụng kiến thức vào nghiên cứu ngôn ngữ và công việc thực tế.

8.26. Ứng dụng CNTT trong giảng dạy

Mã học phần: FL7325

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 2 (2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên tổng quan kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, đặc biệt trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ. Học phần cũng trang bị cho học viên những kiến thức về vai trò, vị trí của ứng dụng công nghệ thông tin những công cụ công nghệ thông tin thường sử dụng trong giảng dạy. Học viên được hướng dẫn và thực hành các công cụ sử dụng phổ biến trong giảng dạy ngôn ngữ. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể nắm rõ kiến thức và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy và học ngoại ngữ, trong công việc chuyên môn và nghiên cứu.

8.27. Thực tập

Mã học phần: FL7324

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 9 (0;0;0;9)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần thực tập giúp cho người học thâm nhập môi trường làm việc thực tế, thể hiện sự thích ứng, tự định hướng để học hỏi, tích lũy kinh nghiệm chuyên môn tại doanh nghiệp.

Sau khi học xong học phần, học viên có thể áp dụng kiến thức đã học vào công việc chuyên môn tại một doanh nghiệp, chủ động đề xuất giải pháp để cải tiến chất lượng công việc chuyên môn trong lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ Anh tại doanh nghiệp.

8.28. Đề án tốt nghiệp

Mã học phần: FL7321

Học phần học trước: Không

Số tín chỉ: 9 (0;0;0;9)

Loại học phần: Bắt buộc

Đề án tốt nghiệp trang bị cho học viên kiến thức về thực hiện một công trình nghiên cứu có ý nghĩa khoa học, giá trị thực tiễn, ứng dụng cao về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. Học phần cũng giúp học viên phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, kỹ năng dùng thực tiễn để kiểm chứng lý thuyết, kỹ năng viết và trình bày, kỹ năng bảo vệ đề tài nghiên cứu.

Sau khi hoàn thiện đề án tốt nghiệp, trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của người hướng dẫn khoa học, học viên có thể hoàn thành luận văn tốt nghiệp – một báo cáo khoa học về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. Trong đó, học viên ứng dụng kiến thức sâu rộng và tiên tiến về ngôn ngữ học tiếng Anh và phương pháp luận khoa học để tổng hợp, nghiên cứu, phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề ngôn ngữ; từ đó gợi ý định hướng hoặc đề xuất giải pháp góp phần đổi mới sáng tạo, hoàn thiện vấn đề ngôn ngữ phát sinh trong thực tiễn.

Sau khi học xong học phần này, người học có thể nắm vững phương pháp luận nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu ngành ngôn ngữ để bước đầu thực hiện và báo cáo nghiên cứu độc lập về các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành Ngôn ngữ Anh.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Đối sánh các chương trình đào tạo

1. Trường ĐH Mở Hà Nội

(<https://tienganh.hou.edu.vn/thac-si/chuong-trinh-dao-tao-thac-si/ban-mo-ta-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nganh-ngon-ngu-anh-2022/>)

Ngày truy cập: 18/8/2024

2. Trường ĐH Văn Lang

(<https://www.vlu.edu.vn/academics/majors/thac-si-ngon-ngu-anh>)

Ngày truy cập: 18/8/2024

3. Trường Đại học Greenwich

(<https://www.gre.ac.uk/postgraduate-courses/ach/applied-linguistics-ma>)

Ngày truy cập: 18/8/2024

4. Trường Đại học Southampton

(<https://www.southampton.ac.uk/courses/eltsol-studies-masters-ma#entry>)

Ngày truy cập: 18/8/2024

Bảng 9: Bảng đối sánh các chương trình đào tạo

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
1. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra					
Mục tiêu chung	Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ Thạc sĩ được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, trang bị cho người học kiến thức khoa học nền tảng, lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh, kiến thức liên ngành liên	Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại Mở Hà Nội được xây dựng theo định hướng nghiên cứu nhằm đào tạo người học có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về ngành Ngôn ngữ Anh, có	Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn Ngữ Anh của Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Văn Lang được thiết kế theo hai định hướng: Định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng (TT 02/2022/TT-BGDĐT). Mục đích	Chương trình Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng nhằm trang bị cho học viên hiểu biết sâu rộng về các khái niệm ngôn ngữ học cốt lõi và ứng dụng thực tiễn của chúng. Bằng cách khám phá một loạt các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ,	Chương trình Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ thứ hai (ELT/ TESOL) được xây dựng dành cho các giáo viên đang giảng dạy tiếng Anh như ngôn ngữ nước ngoài, nhằm cung cấp cho học viên cơ hội để suy ngẫm về kinh nghiệm chuyên môn, phát triển hiểu biết sâu hơn về lý thuyết và thực hành giảng dạy tiếng

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
	quan, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo với tính thần trách nhiệm và khả năng thích ứng trong lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, biên dịch, phiên dịch và các hoạt động thực tiễn nghề nghiệp khác liên quan đến Ngôn	khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành. Học viên tốt nghiệp có thể tự thiết lập môi trường nghiên cứu, cộng đồng nghiên cứu, mạng lưới nghiên cứu để phục vụ cho hướng nghiên cứu chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu	chung của chương trình nhằm giúp cho học viên sau đại học bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành Ngôn Ngữ Anh; tăng cường kiến thức liên ngành; kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học Ngoại ngữ và kỹ năng vận dụng kiến thức được học vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp;	bao gồm dịch thuật chuyên nghiệp, ngành công nghiệp CNTT, giáo dục và chính sách ngôn ngữ, giảng dạy ngôn ngữ và xuất bản, học viên có thể phát triển cả kiến thức lý thuyết và kỹ năng chuyên môn. Chương trình tạo điều kiện cho học viên tiếp cận với việc học và các nghiên cứu nâng	Anh, và đạt được các kỹ năng và năng lực cần thiết cho các vai trò lãnh đạo trong lĩnh vực ELT/TESOL.

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
	ngữ Anh để đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục của đất nước và hội nhập quốc tế.	phát triển của xã hội, có phẩm chất chính trị, tác phong nghề nghiệp để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn trong quá trình hội nhập quốc tế.	khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Ngoài ra, các học viên chọn định hướng theo nghiên cứu sẽ có năng lực nghiên cứu chuyên sâu và công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế.	cao về các vấn đề ngôn ngữ học đương đại và cơ chế nền tảng của ngôn ngữ con người. Học viên viết luận văn cuối khóa để được nhận bằng Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng (TESOL). Khóa học này phù hợp với học viên quan tâm đến các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ hoặc tham gia học tập ở	

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
				bậc học cao hơn.	
Mục tiêu cụ thể	PEO 1: Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, các nguyên lý và học thuyết cơ bản về triết học, ngôn ngữ học và kiến thức liên ngành có liên quan. Có kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức về thiết kế và phát triển các khoá học tiếng Anh. PEO 3: Có kỹ năng tổ	MT1. Có kiến thức chuyên sâu, liên ngành và tiên tiến trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy, biên-phiên dịch tiếng Anh và các lĩnh vực liên quan khác MT2. Có năng lực nghiên cứu khoa học để hướng dẫn người khác làm việc hiệu quả trong lĩnh	PO1: Đào tạo học viên Sau đại học những kiến thức chuyên sâu về Ngôn ngữ Anh ứng dụng để có khả năng nghiên cứu và phục vụ công tác giảng dạy. PO2: Đào tạo học viên Sau đại học phát triển hiệu quả kỹ năng tư duy,	+ Năm vững kiến thức dịch thuật, kiến thức về sự khác biệt ngôn ngữ, các vấn đề trong việc học ngôn ngữ thứ hai, TESOL, kiểm tra ngôn ngữ và phát triển tài liệu + Phát triển các kỹ năng và kiến thức cần thiết để thực hiện dự án nghiên	+ Năm vững kiến thức về giảng dạy tiếng Anh liên quan đến tất cả các khía cạnh của ELT/TESOL; + Năm được kiến thức và kỹ năng cần thiết để đảm nhiệm những vị trí dẫn đầu trong các lĩnh vực chính của giảng dạy tiếng Anh (ELT/TESOL); + Có kỹ năng phê bình và phân tích về lý thuyết và thực tiễn ngôn ngữ trong

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
	chức, quản trị về các hoạt động nghề nghiệp thực tiễn liên quan đến ngành ngôn ngữ Anh; Có kỹ năng ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào các hoạt động chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh; PEO 3: Có năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, có đạo đức nghề nghiệp, liêm chính trong nghiên cứu.	vực chuyên môn hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững của địa phương, quốc gia và toàn cầu MT3. Có đạo đức và trách nhiệm với nghề nghiệp, sẵn sàng tổ chức và tham gia các hoạt động xây dựng, phát triển nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng	phản biện, sáng tạo trong ngành Ngôn ngữ Anh để có thể áp dụng vào hoạt động ứng dụng, nghiên cứu và truyền đạt tri thức. PO3: Đào tạo học viên biết chủ động thích nghi, chịu trách nhiệm trong quản lý và dẫn dắt các hoạt động cải tiến chuyên môn trong ngành Ngôn	cửu về Ngôn ngữ học ứng dụng, bao gồm cả TESOL.	giáo dục; + Có kỹ năng phản ánh về kinh nghiệm giảng dạy và liên hệ với lý thuyết, thực tiễn và bằng chứng nghiên cứu; + Có kỹ năng nghiên cứu độc lập trong một lĩnh vực liên quan trực tiếp đến việc giảng dạy tiếng Anh.

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
			ngữ Anh.		
Chuẩn đầu ra	SO1: Vận dụng kiến thức triết học và kiến thức ngôn ngữ học và kiến thức liên ngành có liên quan vào công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh. SO2: Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức chung về quản trị, quản lý, kiến thức về phát triển chương trình để thiết kế	CĐR1. Áp dụng hệ thống kiến thức chuyên sâu toàn diện về Ngôn ngữ học nói chung và Ngôn ngữ Anh nói riêng vào thực tiễn nghề nghiệp và nghiên cứu. CĐR2. Vận dụng kiến thức về văn hóa và giao tiếp liên văn hoá vào việc nghiên cứu,	PLO 1: Áp dụng kiến thức chuyên ngành và liên ngành về Ngôn ngữ ứng dụng để phục vụ cho việc nghiên cứu Ngôn ngữ Anh và công tác giảng dạy. PLO 2: Phát triển một cách hiệu quả tư duy phản biện, sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề vào các hoạt động	Không có thông tin	Không có thông tin

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
	các khóa học giảng dạy tiếng Anh phục vụ công tác chuyên môn và nghiên cứu. SO3: Vận dụng các kĩ năng về tổ chức, quản trị, quản lý chuyên môn và nghiên cứu khoa học về chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và các lĩnh vực liên ngành. SO4: Áp dụng các kĩ năng về sử dụng công nghệ tiên tiến trong các hoạt động chuyên môn	giảng dạy trong quá trình hội nhập quốc tế. CĐR3. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về Ngữ âm - âm vị học, Ngữ nghĩa học và Ngữ pháp học vào việc so sánh và đối chiếu các ngôn bản tiếng Anh và tiếng Việt. CĐR4. Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông	nghiên cứu, ứng dụng và truyền đạt tri thức trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. PLO 3: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng và hướng dẫn người khác phát triển kỹ năng về ngôn ngữ Anh.		

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
	ngành ngôn ngữ Anh SO5: Thể hiện năng lực nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh	tin, sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. CDR5. Vận dụng kiến thức chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và kỹ năng truyền đạt tri thức để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành và liên ngành.			

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
		CĐR6. Sử dụng tốt một ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp/ tiếng Trung/ tiếng Nga) tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương cấp độ B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ			

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
		chung Châu Âu. CĐR7. Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, quản lý và quản trị các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. CĐR8. Vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên sâu liên quan đến lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh và kiểm tra đánh giá ngôn ngữ vào thực			

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mô Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
		tiền giảng dạy, phù hợp với xu hướng phát triển trong khu vực và toàn cầu			
2. Thời gian đào tạo	18 tháng	2 năm	18 tháng	1 năm	1 năm
3. Khối lượng tín chỉ toàn khoá	60 tín chỉ	60 tín chỉ	60 tín chỉ	180 tín chỉ	180 tín chỉ
4. Cấu trúc CTĐT					
<i>Khối kiến</i>	7 tín chỉ	8 tín chỉ	8 tín chỉ	Không có	Không có

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
<i>thức chung</i>	Triết học: 4 PP NCKH: 3	Triết học: 4 Ngoại ngữ: 4	Triết học: 4 Ngoại ngữ: 4		
<i>Khối kiến thức cơ sở ngành</i>	11 tín chỉ	6 tín chỉ	20 tín chỉ	15 tín chỉ	20 tín chỉ
Các học phần bắt buộc	Các lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Theories in second language acquisition) Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied linguistics)	Phương pháp nghiên cứu khoa học: 3 Ngôn ngữ học đại cương: 3	Research Writing (Viết nghiên cứu): 3 Graduate Research and Methodology (Phươ ng pháp Nghiên cứu khoa học nâng cao) Second Language Acquisition (Thụ đắc ngôn ngữ thứ	+ Research Methods (Phương pháp nghiên cứu khoa học) + Contemporary Theories in SLA (Các lý thuyết đương đại về thụ	Research skills: Kỹ năng nghiên cứu khoa học

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
			hai) Introduction to Applied Linguistics (Dẫn luận Ngôn ngữ học ứng dụng)	đặc ngôn ngữ thứ hai) + Language variation and acquisition (Biến thể ngôn ngữ và thụ đặc ngôn ngữ)	
Các học phần tự chọn	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics) Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics) Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa (Cultures, identities and globalization)		World Englishes (Tiếng Anh toàn cầu) Cross-cultural communication (Gi ao tiếp giao văn hoá) Contrastive Linguistics (Ngôn	Không có	+ Autonomy and Individualisation in Language Learning (Tự chủ và cá nhân hóa trong học ngôn ngữ) + Digital Education and English Language Teaching (Giáo dục số và

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mô Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive linguistics) Tiếng Anh viết học thuật (Academic English Writing) Văn học Anh – Mỹ (British – American Literature)		ngữ học đối chiếu) Computational Linguistics (Ngôn ngữ Máy tính)		giảng dạy tiếng Anh) + English as a World Language (Tiếng Anh như một ngôn ngữ toàn cầu) + Language ideologies in a globalising world (Ý thức hệ ngôn ngữ trong thế giới toàn cầu hóa) + Language in Society (Ngôn ngữ trong xã hội) + Research and Enquiry in Applied Linguistics (Nghiên cứu và điều tra trong ngôn ngữ học ứng

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
					dụng) + Second Language Learning (Học ngôn ngữ thứ hai) + Writing and Written Language (Viết và ngôn ngữ viết)
<i>Khối kiến thức chuyên ngành</i>	24 tín chỉ	31 tín chỉ	20 tín chỉ	20 tín chỉ	50 tín chỉ
Các học phần bắt buộc	Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English)	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) Lý thuyết Ngữ pháp	Advanced	+ Key Issues in TESOL (Các vấn đề chính trong	+ Critical Appraisal of Language Teaching Methodologies (Đánh giá

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mô Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
	Phonetics and Phonology) Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication) Ngữ nghĩa học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Semantics) Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	Giao tiếp giao văn hóa Ngôn ngữ học đối chiếu Ngữ âm và âm vị học	Methods of Teaching Language (Phương pháp Giảng dạy Ngôn ngữ nâng cao): 4 Discourse Analysis (Phân tích diễn ngôn) Cognitive Linguistics (Ngôn ngữ học tri nhận)	TESOL) + Materials Development & Language Testing (Phát triển tài liệu và kiểm tra ngôn ngữ) + Syntax and Semantics (Cú pháp và ngữ nghĩa học) + Perspectives on translation (Các quan điểm về dịch thuật	các phương pháp giảng dạy ngôn ngữ) + Analysing Language for ELT/TESOL (Phân tích ngôn ngữ cho giảng dạy tiếng Anh) + Assessment of Language Proficiency (Đánh giá trình độ ngôn ngữ) + English as medium of instruction in global education (Giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh trong giáo dục toàn cầu) + Experiences of language

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
			Syllabus design and Material Development (Thiết kế nội dung môn học và phát triển tài liệu) Practice of Language Teaching (Thực hành giảng dạy ngôn ngữ): 3		teaching and learning: narrative inquiry in language education (Kinh nghiệm dạy và học ngôn ngữ: Nghiên cứu tường thuật trong giáo dục ngôn ngữ) + Language and Intercultural Communication (Ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa) + Pragmatics in global contexts (Ngữ dụng học trong ngữ cảnh toàn cầu) + Teaching Foreign

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mô Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
					Languages to Younger Learners Giảng dạy ngoại ngữ cho trẻ em
Các học phần tự chọn	Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics) Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis) Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar) Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar) Dịch thuật tài liệu chuyên ngành	Phân tích diễn ngôn Lý thuyết dịch Ngữ dụng học Các loại tiếng Anh trên thế giới và chính sách Ngôn ngữ Ngôn ngữ và Văn hoá Ngôn ngữ học ứng dụng Kiểm tra và Đánh	Socio- Linguistics (Ngôn ngữ học xã hội) Structuralism in Linguistics (Cấu trúc ngôn ngữ) Pragmatics (Ngữ dụng học) English for Specific Purposes (Tiếng Anh chuyên ngành) Advanced	Không có	+ Critical Appraisal of Language Teaching Methodologies (Đánh giá phê bình các phương pháp giảng dạy ngôn ngữ) + Analysing Language for ELT/TESOL (Phân tích ngôn ngữ cho giảng dạy tiếng Anh) + Assessment of Language Proficiency (Đánh giá trình độ ngôn ngữ)

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
	(ESP Translation) Từ vựng học tiếng Anh (Lexicology) Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy (ICTs in education) Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics) Văn hoá trong giảng dạy ngôn ngữ (Cultural Dimensions in Language teaching) Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific	giáo ngôn ngữ Kỹ năng Viết hàn lâm Ngôn ngữ học xã hội Thụ đắc ngôn ngữ Thiết kế nội dung môn học Phương pháp giảng dạy tiếng Anh Chiến lược giao tiếp Ngôn ngữ học tri nhận Tiếng Anh chuyên ngành	Translation Theories (Lý thuyết dịch) Language Testing and Evaluation (Kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ		+ English as medium of instruction in global education (Tiếng Anh như ngôn ngữ giảng dạy trong giáo dục toàn cầu) + Experiences of language teaching and learning: narrative inquiry in language education (Kinh nghiệm dạy và học ngôn ngữ: Nghiên cứu tường thuật trong giáo dục ngôn ngữ) + Language and Intercultural

Tiêu chí	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Mở Hà Nội	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Văn Lang	CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng Trường Đại học Greenwich	CTĐT Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh như Ngôn ngữ Thứ hai (ELT/ TESOL) Trường Đại học Southampton
	Purposes) Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Language Curriculum Design) Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment)				Communication (Ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa) + Pragmatics in global contexts (Ngữ dụng trong ngữ cảnh toàn cầu) + Teaching Foreign Languages to Young Learners (Giảng dạy ngoại ngữ cho trẻ em)
5. Thực tập	9 tín chỉ	Không có	3 tín chỉ	Không có	Không có
6. Đề án tốt nghiệp	9 tín chỉ	15 tín chỉ	9 tín chỉ	Luận văn (12,000 - 15,000 từ)	Luận văn (12000 từ)

9.2 So sánh các phiên bản

Bảng 10: So sánh các phiên bản của chương trình đào tạo

STT	Khối giáo dục/Tên học phần	Phiên bản năm 2019	Phiên bản năm 2021	Phiên bản năm 2022	Phiên bản năm 2024
I	Phần 1. Kiến thức chung				
1	Triết học (Philosophy)	4	4	4	4
2	Phương pháp NCKH Nâng cao	3	3	3	0
3	Phương pháp nghiên cứu Ngôn ngữ học ứng dụng (Research Methods in Applied linguistics)	0	0	0	3
II	Phần 2. Kiến thức Cơ sở ngành				
II.1	Kiến thức bắt buộc				
1	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	2	2	2
2	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied linguistics)	0	3	3	3
3	Các lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Theories in second language acquisition)	0	0	0	3
II.2	Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 06 tín chỉ)				
4	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	0	0	0	2
5	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	2	2	2	2
6	Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa (Cultures, Identities and Globalization)	0	0	0	2

7	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	2	2	2	2
8	Tiếng Anh viết học thuật (Academic English Writing)	2	2	2	2
9	Văn học Anh – Mỹ (British – American Literature)	2	2	2	0
10	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	2	2	2	2
11	Lý thuyết Biên-Phiên dịch (Interpreting and translation theory)	2	2	2	0
III	Phần 3. Kiến thức Chuyên ngành				
III.1	Kiến thức bắt buộc				
1	Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)	3	3	3	3
2	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)	3	3	3	0
3	Ngữ nghĩa học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Semantics)	3	3	3	3
4	Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)	2	2	2	0
5	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	0	0	0	3
6	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	0	0	0	3
III.2	Kiến thức tự chọn				
7	Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)	2	2	2	2

8	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	2	2	2	2
9	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	2	2	2	2
10	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	2	2	2	0
11	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	2	2	2	0
12	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment)	2	2	2	2
13	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	2	2	2	2
14	Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Language Curriculum Design)	2	2	2	2
15	Văn học Anh – Mỹ (British - American Literature)	2	2	2	0
16	Phiên dịch tiếng Anh nâng cao (Advanced Interpreting)	2	2	2	0
17	Đất nước học (Country studies)	2	2	2	0
18	Từ vựng học tiếng Anh (Lexicology)	2	2	2	2
IV	Phần 4. Thực tập	10	9	9	9
V	Phần 5. Đề án tốt nghiệp	15	9	9	9
	Tổng cộng	60	60	60	60

***Nhận xét:**

- Tổng số tín chỉ của các phiên bản CTĐT không đổi (60 tín chỉ).
- Tổng số tín chỉ thuộc khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, Thực tập, Đề án tốt nghiệp không thay đổi. Các học phần được cấu trúc lại vào các khối kiến thức cho phù hợp, tăng/giảm số tín chỉ trong một số học phần cho phù hợp, cụ thể:
 - Khối kiến thức chung: thay môn PP NCKH nâng cao (BM7326) bằng học phần FL7332 PP nghiên cứu Ngôn ngữ học ứng dụng (Research Methods in Applied linguistics) giữ nguyên 03 tín chỉ.
 - Khối kiến thức cơ sở ngành cấu trúc lại, cụ thể như sau:
 - + Kiến thức bắt buộc: bổ sung thêm học phần FL7329 Các lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Theories in second language acquisition) 02 tín chỉ.
 - + Kiến thức tự chọn: bổ sung thêm học phần FL7331 Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa (Cultures, identities and globalization) 02 tín chỉ.
 - Khối kiến thức chuyên ngành:
 - + Chuyển 2 học phần FL7316 Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication); FL7317 Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology) từ khối kiến thức tự chọn sang khối kiến thức bắt buộc, số tín chỉ điều chỉnh tăng từ 02 lên 03.
 - + Chuyển 2 học phần FL7310 Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar); FL7312 Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation) từ khối kiến thức bắt buộc sang khối kiến thức tự chọn.
 - + Chuyển 02 học phần vào khu vực kiến thức tự chọn: FL7325 Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy (ICTs in education) 02 tín chỉ, FL7315 Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics) 02 tín chỉ, và thêm mới 01 học phần vào khu vực kiến thức tự chọn FL7330 Văn hoá trong giảng dạy ngôn ngữ (Cultural Dimensions in Language teaching) 02 tín chỉ.

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

10.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo

- Thời gian khóa học được tính theo năm học, học kỳ, và theo tuần;
- Thời gian khóa học theo tích lũy tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng tín chỉ quy định cho CTĐT;
- Thời gian học tập được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ, cụ thể như sau:

① Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

② Đối với hoạt động dạy học trên lớp (kể cả lớp học trực tuyến), một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận;

③ Đối với hoạt động hướng dẫn đồ án/đề án/dự án, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập một tín chỉ yêu cầu thực hiện 50 giờ hướng dẫn;

④ Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.

10.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy, quy chế cho học viên khi mới nhập trường;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;
- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác.

10.3. Hướng dẫn đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ

- Đánh giá thường xuyên do giảng viên giảng dạy học phần thực hiện được quy định trong đề cương chi tiết học phần thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 50 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Hình thức đánh giá kết thúc học phần có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp các hình thức trên. Thời gian làm bài thi viết từ 60-120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác do hiệu trưởng quyết định;

- Kế hoạch thi được thông báo trước thời điểm thi ít nhất 7 ngày (trừ ngày lễ, tết);
- Lịch thi được thông báo trước kỳ thi ít nhất 3 ngày (trừ ngày lễ, tết);
- Danh sách học viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi được thông báo qua tài khoản người học trên hệ thống đại học điện tử của Nhà trường.

10.4. Quy định thời gian có mặt trên lớp và tổ chức đánh giá cuối kỳ

a) Quy định thời gian có mặt trên lớp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

b) Tổ chức đánh giá

- Kỳ thi kết thúc học phần được công bố trong kế hoạch đào tạo theo các học kỳ.
- Học viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng

sẽ nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần.

- Các trường hợp hoãn thi kết học phần được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

- Đề thi, hình thức đánh giá, tổ chức đánh giá, cách tính điểm đánh giá thực hiện theo Quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, quy định trong đề cương chi tiết học phần.

10.5. Điều kiện tốt nghiệp

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp điểm đạt từ 5,5 trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Phụ lục) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã nộp đề án tốt nghiệp được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của chủ tịch hội đồng hoặc thành viên hội đồng được chủ tịch hội đồng ủy quyền về việc đề án tốt nghiệp đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp và nhận xét của các phản biện, nộp đề án tốt nghiệp cho nhà trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ;

d) Đã công bố công khai toàn văn đề án tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của nhà trường;

e) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập và không vi phạm thời gian đào tạo cho phép.

11. Đội ngũ tham gia thực hiện chương trình đào tạo

Bảng 11: Danh sách giảng viên tham gia thực hiện CTĐT

TT	Họ và tên	Chuyên ngành	Phân loại	Học phần	Cơ quan công tác
1	PGS.TS Lê Thị Lan Anh	Ngôn ngữ học	GV cơ hữu	Ngôn ngữ học đại cương (FL7302), Ngôn	DHCNHN

				ngữ học ứng dụng (FL7306), Ngôn ngữ học xã hội (FL7 05), Phân tích diễn ngôn (FL7314)	
2	GS. Nguyễn Văn Hiệp	Ngữ văn	GV cơ hữu	Ngôn ngữ học Đại cương(FL73.02),, Ngôn ngữ học xã hội(FL73.05), Ngôn ngữ học tri nhận (FL73 07), Ngữ dụng học tiếng Anh(FL7313), Phân tích diễn ngôn (FL7314)	ĐHCNHN
3	PGS.TS Nguyễn Thuý Nga	Ngôn ngữ học	GV cơ hữu	Phương pháp nghiên cứu NNH Ứng dụng (FL7332), Tiếng Anh viết học thuật (FL7304), Các lí thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (FL7329), Ngôn ngữ học ứng dụng (FL7306), Ngôn ngữ học xã hội (FL7305), Ngữ dụng học tiếng Anh (FL7313), Thực tập (FL7324), Đề án tốt nghiệp (FL7321)	ĐHCNHN
4	TS. Nguyễn Thị Hương	Ngôn ngữ học so sánh đối	GV cơ hữu	Ngôn ngữ học đối chiếu (FL7315), Ngữ âm âm vị học tiếng Anh nâng cao (FL7309), Ngữ	ĐHCNHN

		chiều		nghĩa học tiếng Anh nâng cao (FL7311), Từ vựng học tiếng Anh (FL7328), Thực tập (FL7324), Đề án tốt ngh nghiệp (FL7321)	
5	TS. Trần Ngọc Đức	Ngôn ngữ học so sánh đối chiều	GV cơ hữu	Ngữ âm âm vị học tiếng Anh nâng cao (FL7309), Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (FL7312), Thực tập (FL7324), Đề án tốt ngh nghiệp (FL7321)	ĐHCNHN
6	TS. Trần Thị Duyên	Ngôn ngữ Anh	GV cơ hữu	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (FL7318), Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (FL7320), Tiếng Anh chuyên ngành (FL7308), Thực tập (FL7324), Đề án tốt ngh nghiệp (FL7321)	ĐHCNHN
7	TS. Đặng Thị Minh Tâm	Ngôn ngữ Anh	GV cơ hữu	Tiếng Anh chuyên ngành (FL7308),, Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (FL7316), Văn hoá trong giảng dạy ngôn ngữ (FL7330), Thực tập (FL7324), Đề án tốt ngh nghiệp (FL7321)	ĐHCNHN

8	TS. Lê Mai Vân	Ngôn ngữ Anh	GV cơ hữu	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (FL7317), Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (FL7312), Viết tiếng Anh học thuật (FL7304), Thực tập (FL7324), Đề án tốt nghiệp (FL7321)	ĐHCNHN
9	TS. Phương Thị Duyên	Ngôn ngữ Anh	GV cơ hữu	Văn học Anh Mỹ (FL7322), Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa (FL7332), Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (FL7320), Thực tập (FL7324), Đề án tốt nghiệp (FL7321)	ĐHCNHN
10	TS Hoàng Ngọc Tuệ	Ngôn ngữ Anh	GV cơ hữu	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (FL7310), Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy (FL7325), Thực tập (FL7324), Đề án tốt nghiệp (FL7321)	ĐHCNHN
11	PGS.TS Phạm Hiền	Ngôn ngữ học ứng dụng	GV cơ hữu	Ngôn ngữ học đối chiếu (FL7315), Ngữ dụng học tiếng Anh (FL7313), Ngôn ngữ học ứng dụng, Thực tập (FL7324), Đề án tốt nghiệp (FL7321)	ĐHCNHN

12. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

12.1. Học liệu

Bảng 12: Danh sách các học liệu chính phục vụ các học phần của CTĐT

STT	Tên học liệu	Tên học phần sử dụng học liệu
1	Victoria Fromkin. An Introduction to Language. (11th Edition). Wadsworth Cengage Learning. 2019.	Ngôn ngữ học đại cương
2	Hunston, S. and D. Oakey (2010). <i>Introducing Applied Linguistics: Concepts and Skills</i> . London & New York: Routledge.	Ngôn ngữ học ứng dụng
3	Patricia Williamson. <i>Academic Writing Skills</i> . The University of Queensland, 2021	Viết tiếng Anh học thuật
4	Gregory, M. & Carrol, S. <i>Language and situation: Language varieties and their social contexts (5th edition)</i> . Routledge London & New York, 2019	Ngôn ngữ học xã hội
5	Margaret E. Winters, Geoffrey S. Nathan. <i>Cognitive Linguistics for linguists</i> . Springer Nature, 2020	Ngôn ngữ học tri nhận
6	Ping Ke. <i>Contrastive linguistics</i> . Peking University Press, 2019	Ngôn ngữ học đối chiếu
7	Beverley Collins, Inger M.Mees & Paul Carley. <i>Practical English Phonetics and Phonology (4th edition)</i> . Cengage, 2019.	Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao
8	Stefan Muller. <i>Grammatical theory. From transformational grammar to constraint-based approaches</i> . Language Science Press. 2021	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
9	Jim Feist. <i>Significance in Language: A Theory of Semantics</i> . Taylor & Francis, 2022	Ngữ nghĩa học tiếng Anh nâng cao
10	Blackwell, W. 2014. <i>A Companion to Translation Studies</i> . Wiley-Blackwell	Dịch thuật tài liệu chuyên ngành
11	Huang, Y. (2015). <i>Pragmatics</i> . Oxford University Press.	Ngữ dụng học tiếng Anh
12	Busse, B.&Dumrukci, N.&Kleiber, I. <i>Language and</i>	Phân tích diễn ngôn

	<i>Linguistics in a Complex World. De Gruyter, 2023</i>	
13	Huang, R., Spector, J. M., & Yang, J. (2019). <i>Educational technology: a primer for the 21st century</i> . Springer.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy
14	Kenny, N., Işık-Taş, E. E., Jian H. (Eds.). <i>English for Specific Purposes Instruction and Research: Current Practices, Challenges and Innovations</i> . Palgrave MacMillan, 2020	Tiếng Anh chuyên ngành
15	Jackson, J. <i>Introducing Language and Intercultural Communication (3rd Edition)</i> . Routledge, 2024	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa
16	Rosemary Erlam, Jenefer Philp, Diana Feick. <i>Teaching Languages to Adolescent Learners</i> . Cambridge University Press, 2021	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ
17	Green, A. <i>Exploring Language Assessment and Testing (Routledge Introductions to Applied Linguistics)</i> . Routledge, 2021	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ
18	Christian M. I. M. Matthiessen, Bo Wang, Yuanyi Ma, Isaac N. Mwinlaaru. <i>Systematic Functional Insights on Language and Linguistics</i> . Springer, 2022	Ngữ pháp chức năng
19	John Macalister & Nation, I.S.P. <i>Language curriculum design</i> . Routledge. 2020.	Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ
20	Gesine. <i>How Is World Literature Made</i> . De Gruyter, 2021	Văn học Anh Mỹ
21	Roger Hawkins. <i>How second languages are learned: An introduction</i> . Cambridge University Press, 2019	Các lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai
22	Ott, C. <i>Teaching and learning across cultures: A guide to theory and practice</i> . Baker Academic, 2021.	Văn hoá trong giảng dạy ngôn ngữ
23	Christine Lutge. <i>Global citizenship in foreign language education: concepts, practices, connections</i> . Taylor & Francis, 2023	Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa

24	Löbner, S; Rasinski, Timothy, Rupley, William. <i>Vocabulary Development. Multidisciplinary Digital Publishing Institute</i> , 2019	Từ vựng học tiếng Anh
25	Jim Mc Kindley. <i>The Routledge handbook of research methods in Applied Linguistics</i> . Routledge, 2020	Phương pháp nghiên cứu Ngôn ngữ học ứng dụng
26	Bộ giáo dục và đào tạo, <i>Giáo trình triết học</i> (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành triết học), Nxb. Đại học sư phạm 2017.	Triết học
27	McKinley, J., & Rose, H. (Eds.). <i>The Routledge handbook of research methods in applied linguistics</i> . Routledge. 2020	Thực tập
28	Creswell, J. W., & Creswell, J. D. <i>Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches</i> . SAGE publications. 2018	Đề án tốt nghiệp

12.2. Cơ sở vật chất, thiết bị

Bảng 13: Danh sách các phòng thực hành/thí nghiệm phục vụ các học phần của CTĐT

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
		Tên thiết bị, nước, năm sản xuất	Số lượng	Phục vụ môn học/học phần
1	Phòng lab 1	-Máy vi tính để bàn Dell core i5 3020 (cài đặt phần mềm Smartclass, kết nối internet)	30	Phục vụ tra cứu, SHCM, soạn tài liệu giảng dạy cho các môn học
		- Tai nghe Robotel SC2500-HS4, Trung Quốc, 2014	30	
		- Bộ máy tính giáo viên 2 màn hình NEC MK32MB-R, Nhật Bản, 2015 (cài đặt phần mềm Smartclass, kết nối internet)	01	
		- Tivi LG 49LF540T, Hàn Quốc, 2014	01	

		- Ghế gấp Xuân Hòa, Việt Nam, 2015	30	
		- Bàn để máy tính, Việt Nam, 2015	15	
2	Phòng lab 2	- Máy vi tính để bàn Intel NUC, Trung Quốc, 2015 cài đặt phần mềm Smartclass (kết nối internet)	30	Phục vụ tra cứu, SHCM, soạn tài liệu giảng dạy cho các môn học
		- Tai nghe Robotel SC2500-HS4, Trung Quốc, 2014	30	
		- Bộ máy tính giáo viên 2 màn hình Samsung, 2014	01	
		- Tivi Sony 49 inch, Nhật Bản, 2015	1	
		- Ghế gấp Xuân Hòa, Việt Nam, 2015	30	
		- Bàn để máy tính, Việt Nam, 2015	15	
3	Phòng đa phương tiện 2	- Máy vi tính để bàn Intel® NUC Kit D54250WYK (kết nối internet), Trung Quốc, 2015	80	Phục vụ xây dựng, biên soạn chương trình các môn học
		- Bộ Tai nghe chuyên dụng SC 2500, Trung Quốc, 2015	80	
		- Phần mềm quản trị ngân hàng câu hỏi thi EQB 1.0 (Exam Question Bank, version 1.0), Việt Nam, 2017	01	
		Phần mềm tổ chức thi CES 1.0 (Computer-based Examination System, Version 1.0), Việt Nam, 2017	01	
		Bàn học 1 chỗ đơn cửa cabin, Việt Nam, 2015	04	
		Bàn học 2 chỗ đơn cửa cabin, Việt Nam, 2015	18	
4	Phòng thu	Bộ máy vi tính để bàn NEC i5, Malaysia, 2018		Phục vụ xây dựng, biên soạn chương trình các môn học

5	Phòng học, giảng đường	Máy chiếu, TV LG màn hình rộng, hệ thống thiết bị âm thanh	10	Tất cả các môn
6	Phòng Hội thảo	Máy chiếu, TV LG màn hình rộng, hệ thống thiết bị âm thanh, micro	05	Phục vụ Hội thảo, bảo vệ ĐATN
7	Phòng đọc, nghiên cứu	Máy tính, máy in	05	HV tự nghiên cứu
8	Phòng làm việc của GS	Máy tính, máy in	01	Phục vụ làm việc, nghiên cứu, hướng dẫn HV
9	Phòng làm việc của PGS	Máy tính, máy in	01	Phục vụ làm việc, nghiên cứu, hướng dẫn HV
10	Phòng làm việc của giảng viên cơ hữu	Máy tính, máy in	03	Phục vụ làm việc, nghiên cứu, hướng dẫn HV

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG NGOẠI NGỮ DU LỊCH



TS. Hoàng Ngọc Tuệ